

Bản án số: 198/2019/HS-ST
Ngày: 21-11-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh;

Bà Huỳnh Thị Lượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Lê, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

- Đ diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trọng – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 166/2019/TLST-HS, ngày 26 tháng 9 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 167/2019/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Khoa N, sinh năm 1980 tại Cần Thơ; nơi cư trú: khu vực Tân Mỹ 2, phường Tân Lộc, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 00/12; giới tính: N; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt N; con ông Nguyễn Văn Ê, sinh năm 1956 và bà Cao Thị Bân, sinh năm 1957; vợ Nguyễn Thị Thùy, sinh năm 1982; có 01 con, sinh năm 2000; tiền án, tiền sự: không; bị cáo đang cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Bình Dương; có mặt.

Bị hại:

- Ông Trần Thanh P, sinh năm 1997; địa chỉ: ấp Quyết Thắng, xã H, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

- Ông Chau Soc C, sinh năm 1989; địa chỉ: ấp Ô Lâm, xã A, huyện T, tỉnh An Giang.

- Ông Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1991; địa chỉ: thôn 2, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai.

- Bà Huỳnh Diễm M, sinh năm 1992; địa chỉ: xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1989; địa chỉ: xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

- Ông Ninh Quốc Đ, sinh năm 1990; địa chỉ: ấp 3, xã H, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

2.3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Ông Lưu Thái P, sinh năm 1986; địa chỉ: thôn Xoài Lơ, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- Ông Lý Công T; địa chỉ: 101/1, khu phố Thạnh Bình, phường A, thị xã TA, tỉnh Bình Dương.

- Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1964; địa chỉ: thôn 2, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai.

- Bà Võ Thị Nguyên, sinh năm 1966; địa chỉ: khu phố Bình Hòa 2, phường T1, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

- Ông Phan Minh Quân, sinh năm 1986; địa chỉ: tổ 4, ấp 3, xã H, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Nguyễn Khoa N và đối tượng Nguyễn Duy K (sinh ngày 01/01/2002; hộ khẩu thường trú: ấp Long An, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng) có mối quan hệ là bạn với nhau, cả hai đều không có việc làm. Do không có tiền tiêu xài nên N và K nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của người khác mang bán lấy tiền tiêu xài. N và K đã nhiều lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản là xe mô tô, cụ thể như sau:

1/ Vụ thứ nhất:

Khoảng tháng 11/2018, do hết tiền tiêu xài nên N gọi điện thoại bảo K đi tìm xe mô tô không người trông coi để chiếm đoạt, K đồng ý. Sau đó, N điều khiển xe mô tô Wave màu bạc (không rõ biển số, số khung, số máy) đi từ nhà trọ thuộc phường Khánh Bình, thị xã T chở K đi đến địa bàn thuộc xã H, thị xã T. Khi đi qua quán cà phê (không tên) thuộc ấp 3, xã H, thị xã T, tỉnh Bình

Dương thì N phát hiện xe mô tô biển số 84H5-3213 của ông Trần Thanh P đang để trong quán. Lúc này, N dừng xe lại ở phía trước quán cà phê còn K đi đến vị trí xe 84H5-3213 và dẫn chiếc này đi ra vị trí N đang đợi. Sau đó, N điều khiển xe đẩy xe 84H5-3213 đi về quán cà phê Trúc Hoài thuộc ấp 3, xã H, thị xã T, tỉnh Bình Dương do ông Phan Minh Q làm chủ để cất giấu. Sáng hôm sau, N gọi điện thoại cho một người tên Ba P (không rõ nhân thân, là bạn của N, N biết được Ba P có nơi tiêu thụ xe mô tô cũ qua bạn bè giới thiệu) đến quán cà phê **Trúc Hoài** để mang xe mô tô đi bán. P bán xe mô tô trên với số tiền 900.000 đồng rồi đưa số tiền này cho N, N đưa K số tiền 200.000 đồng, N giữ 200.000 đồng, còn lại số tiền 500.000 đồng N đưa cho P để đi mua ma túy đá về sử dụng. Sau khi phát hiện xe 84H5-3213 bị mất. Ngày 30/12/2018, ông Pha đến Công an xã H trình báo sự việc. Công an xã H lập hồ sơ ban đầu và chuyển giao cho Cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã T theo thẩm quyền.

Tại kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 08/KLTS-TTHS ngày 10/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã T xác định: xe mô tô nhãn hiệu DAEHAN màu đỏ, đen, bạc, biển số 84H5-3213, số máy MD1000067785, số khung G1MD51006785, đã qua sử dụng có trị giá 2.600.000 đồng.

Xe mô tô biển số 84H5-3213 do ông Lưu Thái P đứng tên chủ sở hữu. Xe này ông P mua của một người đàn ông (không rõ nhân thân) tại tỉnh Kiên Giang và không làm thủ tục mua bán theo quy định. Kết quả tra cứu tại Phòng PC02 Công an tỉnh Bình Dương đối với dữ liệu xe mô tô 84H5-3213 không có trong dữ liệu xe máy vật chứng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T ban hành thông báo truy tìm vật chứng là xe mô tô biển số 84H5-32130 nhưng không có kết quả. Ông Trần Thanh P yêu cầu N bồi thường số tiền 2.600.000 đồng nhưng N chưa bồi thường.

2/ Vụ thứ hai:

Khoảng 02 giờ ngày 05/12/2018, N điều khiển xe mô tô biển số 67L4-9636 chở K đi từ nhà trọ đến địa bàn thuộc phường U để tìm xe mô tô không người trông coi chiếm đoạt. Khi đi qua khu dân cư Genimex, khu phố 7, phường U, thị xã T thì N nhìn thấy phía trước phòng trọ số 13 nhà trọ ông Được có 01 xe mô tô biển số 61C1-263.67 của ông Chau Soc C. Lúc này, N bảo K là đi vào vị trí xe 61C1-263.67 rồi dẫn xe 61C1-263.67 ra bên ngoài cổng nhà trọ, K đồng ý, sau đó K dẫn xe 61C1-263.67 ra vị trí N. N điều khiển xe 67L4-9636 đẩy xe 61C1-263.67 đi về quán cà phê Trúc Hoài cất giấu, rồi gọi điện thoại cho P đến quán cà phê Trúc Hoài mang xe mô tô đi bán. P bán xe 61C1-263.67 được số tiền 900.000 đồng rồi đưa cho N, N đưa K 200.000 đồng, N giữ 300.000 đồng, còn lại số tiền 400.000 đồng N đưa cho P. Sau khi phát hiện xe 61C1-263.67 bị

mất. Ngày 29/12/2018, ông C đến Công an phường U trình báo sự việc. Công an phường U lập hồ sơ ban đầu và chuyển giao cho Cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã T theo thẩm quyền.

Tại kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 16/KLTS-TTHS ngày 11/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã T xác định: 01 xe mô tô nhãn hiệu Olimpio màu đen bạc, biển số 61C1-263.67, số khung 8HY6B010642, số máy FMH-B010642 đã qua sử dụng có giá trị là 4.250.000 đồng.

Xe mô tô 61C1-263.67 do ông Lý Công T(không rõ năm sinh; hộ khẩu thường trú: khu phố Thạnh Bình, phường A, thị xã TA, tỉnh Bình Dương) đứng tên chủ sở hữu. Xe này ông C mua của một người đàn ông (không rõ nhân thân) tại thành phố Hồ Chí Minh và không làm thủ tục mua bán theo quy định. Kết quả tra cứu tại Phòng PC02 Công an tỉnh Bình Dương đối với dữ liệu xe mô tô 61C1-263.67 không có trong dữ liệu xe máy vật chứng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T ban hành thông báo truy tìm vật chứng đối với xe 61C1-263.67 nhưng không có kết quả. Ông Chau Soc C yêu cầu N bồi thường số tiền 4.250.000 đồng nhưng N chưa bồi thường.

3/ Vụ thứ 3:

Khoảng 02 giờ ngày 08/12/2018, N và K tiếp tục đi tìm xe mô tô không người trông coi để chiếm đoạt. N điều khiển xe mô tô biển số 67L4-9636 chở K đi đến địa bàn thuộc xã Vĩnh Tân, thị xã T. Khi đi qua công ty TNHH MTV N Hải Hà thuộc ấp 2, xã V, thị xã T, tỉnh Bình Dương thì N phát hiện có 01 xe mô tô biển số 81T1-6994 của ông Nguyễn Hoàng T đang để trong xưởng của công ty. Lúc này, N bảo K là đi vào vị trí xe 81T1-6994 rồi dẫn xe 81T1-6994 ra bên ngoài cổng công ty, K đồng ý và đi vào vị trí xe 81T1-6994 rồi dẫn xe 81T1-6994 ra vị trí N. N điều khiển xe 67L4-9636 đẩy xe 81T1-6994 đi về quán cà phê Trúc Hoài cất giấu. Sau đó, N gọi điện thoại cho P đến quán cà phê Trúc Hoài để mang xe mô tô đi bán. P bán xe 81T1-6994 được số tiền 3.100.000 đồng rồi đưa cho N, N đưa K 600.000 đồng, N giữ 600.000 đồng, còn lại 1.900.000 đồng N đưa cho P. Sau khi phát hiện xe 81T1-6994 bị mất. Ngày 29/12/2018 ông T đến Công an xã V trình báo sự việc. Công an xã V lập hồ sơ ban đầu và chuyển giao cho Cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã T theo thẩm quyền.

Tại kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 19/KLTS-TTHS ngày 11/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã T xác định: 01 xe mô tô biển số 81T1-6994, số khung 207Y024141, số máy 5B92024141 đã qua sử dụng có giá trị là 5.500.000 đồng.

Xe 81T1-6994 do ông Nguyễn Đức T (là cha ruột của ông T) đứng tên chủ sở hữu. Do không có xe đi làm nên ông T đã giao xe 81T1-6994 cho ông Tú sử dụng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T tiến hành thu hồi vật chứng là xe mô tô biển số 81T1-6994, số khung 207Y024141, số máy 5B92024141 nhưng không có kết quả. Ông Nguyễn Hoàng T yêu cầu N bồi thường số tiền 5.500.000 đồng nhưng N chưa bồi thường.

4/ Vụ thứ 4:

Khoảng 02 giờ ngày 15/12/2018, N điều khiển xe mô tô hiệu Wave màu bạc (không rõ biển số) chở K đi từ nhà trọ đến địa bàn thuộc xã H, thị xã T để tìm xe mô tô không người trông coi để chiếm đoạt. Khi đi qua dãy nhà trọ Khánh Linh thuộc ấp 1, xã H, thị xã T, tỉnh Bình Dương, N nhìn thấy 01 xe mô tô biển số 60H6-3962 của bà Huỳnh Diễm M để ở phía trước phòng số 04. Lúc này, N bảo K là đi vào vị trí xe 60H6-3962 dẫn xe 60H6-3962 ra ngoài cổng nhà trọ, K đồng ý, sau đó K dẫn xe 60H6-3962 ra vị trí N. N điều khiển xe đẩy xe 60H6-3962 đi về quán cà phê **Trúc Hoài** cất giấu. N tiếp tục gọi điện thoại cho P đến quán cà phê Trúc Hoài để mang xe mô tô đi bán. P bán xe 60H6-3962 được số tiền 1.200.000 đồng rồi đưa số tiền này cho N, N đưa K số tiền 200.000 đồng, N giữ 300.000 đồng, còn lại 700.000 đồng N đưa cho P. Sau khi phát hiện xe 60H6-3962 bị mất. Ngày 30/12/2018, bà My đến Công an xã H trình báo sự việc. Công an xã H lập hồ sơ ban đầu và chuyển giao cho Cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã T theo thẩm quyền.

Tại kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 09/KLTS-TTHS ngày 10/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã T xác định: 01 xe mô tô biển số 60H6-3962, số khung 5HU-009636, số máy 5HU-009636 đã qua sử dụng có giá trị là 3.500.000 đồng.

Xe mô tô biển số 60H6-3962 do ông Tăng Văn T đứng tên chủ sở hữu. Xe này bà M mua của một người đàn ông (không rõ nhân thân) và không làm thủ tục mua bán theo quy định. Kết quả tra cứu tại Phòng PC02 Công an tỉnh Bình Dương đối với dữ liệu xe 60H6-3962 không có trong dữ liệu xe máy vật chứng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T ban hành công văn truy tìm vật chứng xe mô tô biển số 60H6-3962 nhưng không có kết quả. Bà M yêu cầu N bồi thường số tiền 3.500.000 đồng nhưng N chưa bồi thường.

5/ Vụ thứ 5:

Khoảng 04 giờ ngày 24/12/2018, N và K tiếp tục đi tìm xe mô tô không người trông coi để chiếm đoạt. N điều khiển xe 67L4-9636 chở K đi đến địa bàn thuộc xã H, thị xã T. Khi đi qua dãy nhà trọ bà Lý thuộc ấp 3, xã H, thị xã T,

tỉnh Bình Dương, N nhìn thấy 01 xe mô tô biển số 61H8-4203 của ông Ninh Quốc Đ để ở phía trước phòng số 08. Lúc này, N bảo K là đi vào vị trí xe 61H8-4203 dẫn xe 61H8-4203 ra ngoài cổng nhà trọ, K đồng ý, sau đó K dẫn xe 61H8-4203 ra vị trí N. N điều khiển xe đẩy xe 61H8-4203 đi về quán cà phê **Trúc Hoài** cất giấu. Đến khoảng 06 giờ cùng ngày ông Đ phát hiện xe 61H8-4203 bị mất nên đi tìm thì phát hiện xe 61H8-4203 đang ở trong quán cà phê Trúc Hoài. Tại đây, ông Đ gặp K và lấy lại xe mô tô trên. Đến ngày 29/12/2018, ông Đ đến Công an xã H trình báo sự việc bị mất tài sản. Công an xã H lập hồ sơ ban đầu và chuyển giao cho Cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã T theo thẩm quyền. Cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã T tiến hành tạm giữ 01 xe mô tô biển số 61H8-4203 do ông Đ giao nộp. Ông Đ yêu cầu nhận lại xe 61H8-4203 và không có yêu cầu gì khác.

Tại kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 23/KLTS-TTHS ngày 11/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã T xác định: xe mô tô nhãn hiệu Wave màu xanh, biển số 61H8-4203, không rõ số khung, số máy đã qua sử dụng có giá trị 1.170.000 đồng.

Xe này do bà Võ Thị N đứng tên chủ sở hữu. Xe này ông Đ mua của một người đàn ông (không rõ nhân thân) và không làm thủ tục mua bán theo quy định. Kết quả tra cứu tại Phòng PC02 Công an tỉnh Bình Dương đối với dữ liệu xe mô tô không tìm thấy dữ liệu xe có số máy nêu trên trong dữ liệu xe vật chứng.

6/ Vụ thứ sáu:

Khoảng tháng 12/2018, N điều khiển mô tô hiệu Wave màu bạc (không rõ biển số) chở K đi đến địa bàn thuộc xã H, thị xã T tìm xe mô tô không người trông coi để chiếm đoạt. Khi đi qua nhà trọ Nguyễn Thị V thuộc ấp 1, xã H, thị xã T, tỉnh Bình Dương thì N nhìn thấy có 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave Alpha màu xám bạc (không rõ biển số) của ông Nguyễn Văn L đang để phía trước phòng trọ số 14. Lúc này, N bảo K là đi vào vị trí xe Wave Alpha màu xám bạc dẫn xe ra bên ngoài, K đồng ý, sau đó K dẫn xe Wave Alpha màu xám bạc ra vị trí N. N điều khiển xe và đẩy xe Wave Alpha màu xám bạc đi về quán cà phê Trúc Hoài cất giấu rồi gọi điện thoại cho P đến quán cà phê Trúc Hoài mang xe mô tô đi bán. P bán xe Wave Alpha màu xám bạc với số tiền là 1.000.000 đồng rồi đưa số tiền này cho N, N đưa K 200.000 đồng, N giữ 300.000 đồng, còn lại 500.000 đồng N đưa cho P. Sau khi phát hiện xe Wave Alpha màu xám bạc bị mất. Ngày 30/12/2018, ông L đến Công an xã H trình báo sự việc. Công an xã H lập hồ sơ ban đầu và chuyển giao cho Cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã T theo thẩm quyền.

Tại kết luận định giá tài sản trong tổ tụng hình sự số 128/KLTS-TTHS ngày 10/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã T xác định: xe mô tô Alpha màu xám bạc, không rõ biển số, số khung, số máy đã qua sử dụng có giá trị 3.000.000đồng.

Xe này ông Linh mua của một người đàn ông (không rõ nhân thân). Ông Nguyễn Văn L yêu cầu N bồi thường số tiền 3.000.000 đồng nhưng N chưa bồi thường. Do xe mô tô nhãn hiệu Wave Alpha màu xám bạc (không rõ biển số, không rõ số khung số máy nên không xác định được chủ sở hữu).

Cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã T tạm giữ: 01 xe 67L4 – 9636, 01 túi da màu đen, 02 cây dùi cui, 01 con dao, 01 cái kìm, 02 tua vít, 02 chìa khóa, 01 cái đoản bẻ khóa.

Như vậy, Nguyễn Khoa N cùng đồng phạm đã liên tiếp thực hiện hành vi chiếm đoạt 06 (sáu) xe mô tô với tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 20.020.000 đồng (Hai mươi triệu không trăm hai mươi nghìn đồng).

Quá trình điều tra xác định: Ngoài các vụ trộm trên N và K còn thực hiện hành vi chiếm đoạt 01 xe mô tô (không rõ nhãn hiệu, biển số, số khung, số máy) tại phường Tân Hiệp, thị xã T. N và K không xác định được địa điểm chiếm đoạt xe mô tô trên, Công an phường T không nhận được đơn trình báo, vậy nên chưa xác định được bị hại và tài sản bị mất nên chưa đủ căn cứ để xác định N và K có hành vi chiếm đoạt xe mô tô tại phường T.

N còn khai nhận: N và một người bạn tên Tiểu (không rõ nhân thân) còn thực hiện hành vi chiếm đoạt 01 xe mô tô nhãn hiệu Dream màu nâu trong khu nhà trọ gần chợ phường T, sau đó Tiểu mang xe về sửa chữa rồi dùng làm P tiện đi lại. Quá trình điều tra đến nay, chưa xác định nhân thân lai lịch của đối tượng Tiểu và bị hại nên chưa đủ căn cứ để xác định N và Tiểu có hành vi chiếm đoạt xe mô tô tại khu vực chợ phường T.

Đối với xe mô tô hiệu Wave màu bạc (không rõ biển số) N sử dụng để chở K đi chiếm đoạt xe mô tô. Xe này, N mua của một người đàn ông (không rõ nhân thân) với số tiền là 1.000.000 đồng tại xã H, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Do hết tiền tiêu xài, N đã bán xe này cho người đàn ông tên Tuấn (không rõ nhân thân) với số tiền khoảng 800.000 đồng. Do xe không có biển số, không rõ số khung, số máy nên Cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã T không xác minh được nguồn gốc xe mô tô trên.

Đối với xe mô tô biển số 67L4 – 9636 do ông Lê Văn Cà Thum (sinh năm 1972; hộ khẩu thường trú: ấp Mỹ Thuận, xã N, huyện C, tỉnh An Giang) đứng tên đăng ký chủ sở hữu. Do ông T đã bỏ đi khỏi địa P nên cơ quan điều tra công an thị xã T chưa tiến hành làm việc được. Xe này, ông Q mua của một người

đàn ông (không rõ nhân thân), do N không có xe mô tô đi nên N hỏi mượn xe 67L4 – 9636 của Q thì Q đồng ý và giao xe này cho N. Việc N sử dụng xe 67L4 – 9636 làm P tiện đi chiếm đoạt xe mô tô của người khác thì Quân không biết. Kết quả tra cứu tại Phòng PC02 Công an tỉnh Bình Dương đối với dữ liệu xe mô tô không tìm thấy dữ liệu xe có số máy nêu trên trong dữ liệu xe vật chứng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi phạm tội của bị cáo.

Đ diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Nguyễn Khoa N đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”.

- Về các vấn đề khác của vụ án:

Về vật chứng thu giữ trong vụ án: xe mô tô biển số 67L4 – 9636, xe mô tô biển số 61H8-4203, 01 túi da màu đen, 02 cây dùi cui, 01 con dao, 01 cái kìm, 02 tua vít, 02 chìa khóa, 01 cái đoạn bẻ khóa.

Về trách nhiệm dân sự:

- + Ông Trần Thanh P yêu cầu N bồi thường số tiền 2.600.000 đồng.
- + Ông Chau Soc C yêu cầu N bồi thường số tiền 4.250.000 đồng.
- + Ông Nguyễn Hoàng T yêu cầu N bồi thường số tiền 5.500.000 đồng.
- + Bà Huỳnh Diễm M yêu cầu N bồi thường số tiền 3.500.000 đồng.
- + Ông Nguyễn Văn L yêu cầu N bồi thường số tiền 3.000.000 đồng.

Bản Cáo trạng số 169/CT-VKS.TU ngày 23/9/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo Nguyễn Khoa N về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về mức hình phạt: áp dụng điểm b khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Khoa mức hình phạt tù 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng đến 04 (bốn) năm tù.

Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu, tiêu hủy 01 túi da màu đen, 02 cây dùi cui, 01 con dao thái lan, 01 cái kìm, 02 tua vít, 02 cò lê và 01 cái đoạn.
- Trả lại ông Ninh Quốc Đ xe mô tô biển số 61H8-4203.
- Trả lại ông Phan Minh Quân xe mô tô biển số 67L4 – 9636.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án thống nhất với quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T. Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Bị cáo Nguyễn Khoa N nói lời sau cùng: tại phiên tòa hôm nay bị cáo nhận thấy được hành vi đã thực hiện là sai trái, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Khoa N khai nhận: Trong khoảng thời gian từ tháng 11/2018 đến tháng 12/2018 tại địa bàn các xã Vĩnh Tân, xã H và phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương, Nguyễn Khoa N cùng đồng phạm đã lén lút thực hiện hành chiếm đoạt: 01 xe mô tô nhãn hiệu DAEHAN màu đỏ, đen, bạc, biển số 84H5-3213, số máy MD1000067785, số khung G1MD51006785 của ông Trần Thanh P; 01 xe mô tô nhãn hiệu Olimpio màu đen bạc, biển số 61C1-263.67, số khung 8HY6B010642, số máy FMH-B010642 của ông Chau Soc C; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha màu xám đen bạc, biển số 81T1-6994, số khung 207Y024141, số máy 5B92024141 của ông Nguyễn Hoàng T; 01 xe mô tô biển số 60H6-3962, số khung 5HU-009636, số máy 5HU-009636 của bà Huỳnh Diễm M; 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave màu xanh, biển số 61H8-4203 của ông Ninh Quốc Đ và 01 xe mô tô Alpha màu xám bạc, không rõ biển số, số khung, số máy của ông Nguyễn Văn L với tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 20.020.000 đồng (*hai mươi triệu không trăm hai mươi nghìn đồng*).

Lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, biên bản định giá tài sản, nội dung bản Cáo trạng và diễn biến tại phiên tòa. Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, hành vi của bị cáo gây thiệt hại

về tài sản cho các bị hại với tổng số tiền là 20.020.000 đồng đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản. Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T truy tố là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Đối với đối tượng tên Nguyễn Duy K đã bỏ trốn khỏi địa P, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã T sẽ tiếp tục điều tra xác minh xử lý sau.

[4] Xét, tình hình an ninh trật tự trên địa bàn thị xã T diễn biến phức tạp, do ý thức chấp hành pháp luật kém, gây ảnh hưởng về tài sản của công dân. Do đó, hành vi phạm tội của bị cáo cần phải xử lý tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội để giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[5] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như sau:

- Về tình tiết tăng nặng: bị cáo Nguyễn Khoa N bị áp dụng tình tiết “phạm tội hai lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về mức hình phạt đối với bị cáo tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại yêu cầu bị cáo N bồi thường thiệt hại gồm:

- + Ông Trần Thanh P yêu cầu bồi thường số tiền 2.600.000 đồng.
- + Ông Chau Soc C yêu cầu bồi thường số tiền 4.250.000 đồng.
- + Ông Nguyễn Hoàng T yêu cầu bồi thường số tiền 5.500.000 đồng.
- + Bà Huỳnh Diễm M yêu cầu bồi thường số tiền 3.500.000 đồng.
- + Ông Nguyễn Văn L yêu cầu N bồi thường số tiền 3.000.000 đồng.

Các bị hại yêu cầu bị cáo N bồi thường là phù hợp với các kết luận định giá nên chấp nhận. Tại phiên tòa, bị cáo N đồng ý bồi thường cho các bị hại, đây là ý chí tự nguyện của bị cáo nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Về vật chứng:

- Đối với 01 túi da màu đen, 02 cây dùi cui, 01 con dao thái lan, 01 cái kìm, 02 tua vít, 02 cò lê và 01 cái đoạn là vật chứng trong vụ án không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Đối xe mô tô biển số 67L4 – 9636 do ông Lê Văn Cà T (sinh năm 1972; hộ khẩu thường trú: ấp Mỹ Thuận, xã N, huyện C, tỉnh An Giang) đứng tên đăng ký chủ sở hữu. Xe này ông Phan Minh Q mua lại nhưng không có giấy tờ chứng minh và ông Q cũng không giữ giấy chứng nhận đăng ký xe nên không có cơ sở để xác định đây là xe của Q, vì vậy giao xe mô tô biển số 67L4 – 9636 cho Cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã T tiếp tục điều tra làm rõ và xử lý theo thẩm quyền.

- Đối với xe mô tô biển số 61H8-4203 là tài sản của ông Ninh Quốc Đ nên trả lại cho ông Đ theo quy định tại khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[9] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Khoa N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Về hình phạt:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Khoa N 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585 và Điều 589 của Bộ luật dân sự,

Buộc bị cáo Nguyễn Khoa N có nghĩa vụ bồi thường cho ông Trần Thanh P số tiền 2.600.000 đồng (*hai triệu sáu trăm nghìn đồng*).

Buộc bị cáo Nguyễn Khoa N có nghĩa vụ bồi thường cho ông Chau Soc C số tiền 4.250.000 đồng (*bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*).

Buộc bị cáo Nguyễn Khoa N bồi thường cho ông Nguyễn Hoàng T số tiền 5.500.000 đồng (*năm triệu năm trăm nghìn đồng*).

Buộc bị cáo Nguyễn Khoa N có nghĩa vụ bồi thường cho bà Huỳnh Diễm M số tiền 3.500.000 đồng (*ba triệu năm trăm nghìn đồng*).

Buộc bị cáo Nguyễn Khoa N có nghĩa vụ bồi thường cho Nguyễn Văn L số tiền 3.000.000 đồng (*ba triệu đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Biện pháp tư pháp - về vật chứng: căn cứ Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 túi da màu đen, 02 cây dùi cui, 01 con dao thái lan, 01 cái kìm, 02 tua vít, 02 cò lê và 01 cái đoản.

- Trả cho ông Ninh Quốc Đ 01 xe mô tô biển số 61H8-4203 màu xanh, số khung RMMWCH8MM51801375, số máy VDP1P52FMH801375.

- Giao cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã T 01 xe mô tô biển số 67L4 – 9636 màu tím, số khung BE12B-TH123 163, số máy F407-TH123 087 tiếp tục điều tra làm rõ và xử lý theo thẩm quyền.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 04-10-2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh Bình Dương)

4. Về án phí: căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1, 3 Điều 21; khoản 1 Điều 23; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Buộc bị cáo Nguyễn Khoa N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 792.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- PV06, Công an tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã T;
- Công an thị xã T;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS thị xã T;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, HS.

Nguyễn Thanh Sơn